

Tuần 8,9

Tiết 8,9

Ngày soạn: 26/10/2025

Ngày dạy: 31/10 – 07/11/2025

CHỦ ĐỀ E: MẠNG MÁY TÍNH VÀ INTERNET

BÀI 5: INTERNET

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Khái niệm Internet
- Giới thiệu tóm tắt được các đặc điểm và ích lợi chính của Internet.

2. Năng lực

a. Năng lực tin học:

NLd: Sử dụng được một số phần mềm học tập; sử dụng được môi trường mạng máy tính để tìm kiếm, thu thập, cập nhật và lưu trữ thông tin phù hợp với mục tiêu học tập, chủ động khai thác các tài nguyên hỗ trợ tự học.

b. Năng lực chung:

*** Tự học và tự chủ:**

- Biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và trong cuộc sống; không đồng tình với những hành vi sống dựa dẫm, ỷ lại.

- Học sinh có khả năng tự đọc sách giáo khoa và kết hợp với gợi ý của giáo viên để trả lời câu hỏi về Internet là gì, đặc điểm và lợi ích chính của Internet.

*** Năng lực giao tiếp và hợp tác:**

- Biết chủ động đề xuất mục đích hợp tác khi được giao nhiệm vụ; biết xác định được những công việc có thể hoàn thành tốt nhất bằng hợp tác theo nhóm.

*** Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:**

- Xác định được và biết tìm hiểu các thông tin liên quan đến vấn đề; vận dụng kiến thức đã học để giải quyết vấn đề thực tiễn.

3. Phẩm chất:

- Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.
- Có ý thức vận dụng kiến thức, kỹ năng học được ở nhà trường, trong sách báo và từ các nguồn tin cậy khác vào học tập và đời sống hằng ngày.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học:

- Bảng phụ, bảng kiểm

2. Học liệu:

- Giáo viên: Sgk, tài liệu tham khảo, bộ câu hỏi, video, trò chơi
- Học sinh: dụng cụ học tập

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG (10p)

a. Mục tiêu:

Đặt vấn đề về việc cần thiết sử dụng Internet trong thực tiễn cuộc sống.

b. Nội dung:

- Nhiệm vụ 1: Hoạt động cá nhân trả lời câu hỏi trong trò chơi Jake và những tên cướp biển
- Nhiệm vụ 2:
 - + Học sinh làm việc cá nhân: quan sát video tình huống.
 - + Trả lời nội dung trong bảng kiểm bằng hình thức thảo luận nhóm.

c. Sản phẩm học tập:

- Hoàn thành trò chơi
- Câu trả lời trong bảng kiểm

d. Tổ chức thực hiện:*** Chuyển giao nhiệm vụ học tập 1**

- GV trình chiếu trò chơi
- GV hướng dẫn luật chơi

*** Thực hiện nhiệm vụ**

- HS làm việc cá nhân lựa chọn câu hỏi, lắng nghe câu hỏi

*** Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:**

- Học sinh chọn đáp án đúng
- GV giúp đỡ các em sử dụng phần mềm

*** Kết luận, nhận định:**

- Nhận xét cách tương tác trên phần mềm của học sinh
- Nhận xét và ghi điểm nếu học sinh trả lời đúng cả ba câu hỏi

*** Chuyển giao nhiệm vụ học tập 2**

- GV cho học sinh tự tìm hiểu tình huống học tập trong vòng 2 phút.
- GV đặt câu hỏi giải quyết vấn đề và đưa ra bảng kiểm yêu cầu học sinh hoàn thành trong vòng 2 phút.

*** Thực hiện nhiệm vụ**

- Làm việc cá nhân tìm hiểu tình huống.
- Thời gian thực hiện: 2 phút.
- Làm việc nhóm hoàn thành bảng kiểm.
- Thời gian thực hiện: 2 phút.

*** Báo cáo kết quả:**

- GV tổng hợp kết quả của các nhóm, đưa ra đáp án
- GV nhận xét quá trình làm việc của học sinh.
- Tổ chức cho học sinh thảo luận.

*** Kết luận, nhận định:** Có rất nhiều công việc hằng ngày chúng ta cần đến Internet. Vậy Internet là gì? Nó có đặc điểm gì, chúng ta sẽ tìm hiểu trong bài học hôm nay.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**a. Mục tiêu:**

- Hướng dẫn HS hiểu Internet là gì?

- Hiểu được các đặc điểm của Internet.

b. Nội dung:

- Nhiệm vụ 1: làm việc nhóm hoàn thành câu hỏi phiếu học tập số 1
- Nhiệm vụ 2: Làm việc nhóm hoàn thành câu hỏi phiếu học tập số 2
- Phiếu học tập số 3

c. Sản phẩm học tập:

- Câu trả lời cho phiếu học tập số 1 và số 2,3

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động 1: Internet (15 p)

- **Giao nhiệm vụ học tập 1:** Yêu cầu học sinh tìm hiểu thông tin trong sgk để hoàn thành phiếu học tập số 1 trong thời gian 4 phút.

- Thực hiện nhiệm vụ:

Hs thảo luận nhóm, ghi kết quả lên phiếu học tập 1

GV quan sát giúp đỡ, phát hiện các nhóm có câu trả lời tốt

- Báo cáo, thảo luận:

Gọi đại diện nhóm báo cáo.

Tổ chức cho học sinh thảo luận.

- Kết luận, nhận định:

GV đưa đáp án đúng và chốt kiến thức mục 1:

- *Internet là mạng liên kết các mạng máy tính trên khắp thế giới.*

- *Máy tính có thể được kết nối với Internet thông qua một nhà cung cấp dịch vụ Internet như Viettel, Mobiphone, ...*

- *Người sử dụng truy cập Internet để tìm kiếm, chia sẻ, lưu trữ và trao đổi thông tin*

- *Có nhiều dịch vụ thông tin khác nhau trên Internet: Dịch vụ WWW, tìm kiếm, thư điện tử,*

- **Chuyển giao nhiệm vụ học tập 2:** Yêu cầu học sinh tìm hiểu thông tin trong sgk để hoàn thành phiếu học tập số 2 trong thời gian 2 phút.

- Thực hiện nhiệm vụ:

Hs thảo luận nhóm, ghi kết quả lên phiếu học tập 2

GV quan sát giúp đỡ, phát hiện các nhóm có câu trả lời tốt

- Báo cáo, thảo luận:

Gọi đại diện nhóm báo cáo.

Tổ chức cho học sinh thảo luận.

- Kết luận, nhận định:

GV đưa đáp án đúng

Hoạt động 2: Đặc điểm của Internet (10p)

- **Giao nhiệm vụ học tập:** Yêu cầu học sinh tìm hiểu thông tin trong sgk để hoàn thành phiếu học tập số 3 trong thời gian 2 phút

- Thực hiện nhiệm vụ:

Học sinh thảo luận nhóm, hoàn thành phiếu học tập số 3

Giáo viên quán sát, giúp đỡ

- Báo cáo, thảo luận:

GV gọi đại diện nhóm lên báo cáo kết quả

Các nhóm khác thảo luận

- Kết luận, nhận định:

GV nhận xét, đưa ra đáp án đúng.

Đặc điểm chính của Internet: tính toàn cầu, tính tương tác, tính dễ tiếp cận, tính không chủ sở hữu.

GV trình chiếu các hình ảnh về đặc điểm của Internet.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (5 phút)

a. Mục tiêu:

Vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi.

b. Nội dung:

Câu hỏi trong trò chơi (phiếu học tập số 4)

c. Sản phẩm học tập:

Câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

- **Chuyển giao nhiệm vụ học tập 1:** Yêu cầu học sinh trả lời câu hỏi trong phiếu học tập số 4

- **Thực hiện nhiệm vụ:**

Hs thảo luận nhóm, ghi kết quả lên phiếu học tập 4

GV quan sát giúp đỡ, phát hiện các nhóm có câu trả lời tốt

- **Báo cáo, thảo luận:**

Gọi đại diện nhóm báo cáo.

Tổ chức cho học sinh thảo luận.

- **Kết luận, nhận định:**

GV đưa đáp án đúng và chốt kiến thức

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (5 phút)

a. Mục tiêu:

Vận dụng kiến thức đã học vào thực tế

b. Nội dung:

Tình huống: Nhà bạn An mới mua một chiếc máy tính để bàn, bạn ấy không thể truy cập Internet để tìm kiếm thông tin. Em hãy giúp An?

c. Sản phẩm học tập:

Câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

- **Giao nhiệm vụ học tập:**

Học sinh làm việc cá nhân lắng nghe tình huống.

- **Thực hiện nhiệm vụ:** suy nghĩ cách giải quyết tình huống

- **Báo cáo, thảo luận:**

GV gọi học sinh trả lời

Tổ chức cho học sinh thảo luận.

- Kết luận, nhận định:

GV đưa đáp án đúng.

IV. HỒ SƠ DẠY HỌC

* Bảng kiểm:

Câu hỏi: Những công việc có sử dụng internet?

Những công việc có sử dụng internet	Có	Không
Quét nhà		
Đọc báo		
Xem phim		
Nấu cơm		
Trò chuyện với bạn bè		

* Phiếu học tập số 1:

Câu 1: Em hiểu Internet là gì?

Câu 2: Làm thế nào để máy tính có thể kết nối Internet?

Câu 3: Người sử dụng có thể làm những gì khi truy cập Internet và các dịch vụ trên Internet?

* Phiếu học tập số 2

? Em hãy thay các số trong mỗi câu bằng một từ hoặc cụm từ thích hợp.

Chia sẻ	Liên kết	Thông tin	Dịch vụ	Mạng
---------	----------	-----------	---------	------

a) Internet là mạng ...(1)... các ...(2)... máy tính trên khắp thế giới.

b) Người sử dụng truy cập Internet để tìm kiếm, ...(3)... lưu trữ và trao đổi ...(4)...

c) Có nhiều ...(5)... thông tin khác nhau trên Internet.

* Phiếu học tập số 3

Câu hỏi: Internet có những đặc điểm chính nào?

- A. Tính toàn cầu ☐
- B. Tính tương tác ☐
- C. Tính cố định ☐
- D. Tính dễ tiếp cận ☐
- E. Tính sở hữu ☐
- F. Tính không chủ sở hữu ☐

* Phiếu học tập số 4

Câu 1. Phát biểu nào sau đây là đúng?

A. Internet là mạng truyền hình kết nối các thiết bị nghe nhìn trong phạm vi một quốc gia.

B. Internet chỉ là một mạng các máy tính liên kết với nhau trên toàn cầu.

- C. Internet chỉ là mạng kết nối các trang thiết bị có sử dụng chung nguồn điện.
D. Internet là mạng kết nối các thiết bị có sử dụng chung nguồn điện.

Câu 2. Để kết nối với internet, máy tính phải được cài đặt và cung cấp dịch vụ bởi

- A. người quản trị mạng máy tính.
B. người quản trị mạng xã hội.
C. nhà cung cấp dịch vụ internet
D. một máy tính khác.

Câu 3. Phát biểu nào không đúng khi nói về Internet?

- A. Một mạng kết nối các hệ thống máy tính và các thiết bị với nhau giúp người sử dụng có thể xem, tìm kiếm, chia sẻ và trao đổi thông tin
B. Một mạng công cộng không thuộc chủ sở hữu hay do bất kì một tổ chức hoặc cá nhân nào điều hành.
C. Một mạng lưới rộng lớn kết nối hàng triệu máy tính trên khắp thế giới.
D. Một mạng máy tính kết nối các máy tính với nhau được tổ chức và giám sát bởi một cơ quan quản lí.

Tiết 2

HOẠT ĐỘNG 1: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Một số lợi ích của Internet (30p)

a. Mục tiêu:

Thông qua hoạt động này, HS nêu được các lợi ích của Internet, thấy được sức ảnh hưởng lớn của Internet tới các hoạt động trong cuộc sống. Qua đó giúp HS nhận thức được Internet có vai trò quan trọng và góp phần thúc đẩy xã hội phát triển.

b. Nội dung: Phiếu học tập số 1

c. Sản phẩm học tập: Kiến thức học sinh hiểu và ghi chép.

d. Tổ chức thực hiện:

- **Giao nhiệm vụ học tập:** Hoạt động nhóm trả lời câu hỏi trong phiếu học tập số 1

- **Thực hiện nhiệm vụ:**

GV: Chia lớp thành các nhóm 6 HS, phát giấy A0, bút lông và hướng dẫn HS

làm việc theo kĩ thuật khăn trải bàn.

HS: Làm việc độc lập, suy nghĩ và viết các ý tưởng về nhiệm vụ được giao vào ô của mình trong thời gian quy định. Sau đó, các thành viên so sánh câu trả lời của nhau và thảo luận thống nhất và viết kết quả vào phần trung tâm của giấy A0.

HS thảo luận nhóm.

- **Báo cáo, thảo luận:** Đại diện nhóm trình bày kết quả. Các nhóm theo dõi và đặt câu hỏi.

- **Kết luận, nhận định:** GV Tổng kết, đánh giá và rút ra điểm cần lưu ý để đảm bảo an toàn, hợp pháp khi trao đổi thông tin trong môi trường số.

+ Internet là nguồn cung cấp thông tin khổng lồ cùng nhiều dịch vụ thông tin như: hệ thống các trang Web (WWW), tìm kiếm, thư điện tử, ...

+ Internet cung cấp môi trường làm việc từ xa giúp đào tạo, hội thảo, học tập, kinh doanh, tư vấn, kết nối mọi người vượt qua khoảng cách và mọi sự khác biệt

+ Những tác hại của Internet đối với HS: ảnh hưởng đến sức khỏe, ảnh hưởng đến kết quả học tập, tăng nguy cơ mắc bệnh trầm cảm nếu sử dụng Internet liên tục trong thời gian dài.

+ Không nên sử dụng Internet liên tục trong nhiều giờ.

HOẠT ĐỘNG 2: LUYỆN TẬP (10 p)

a. **Mục tiêu:** củng cố kiến thức về mạng Internet.

b. **Nội dung:**

Phiếu học tập số 2

c. **Sản phẩm học tập:** HS trả lời được các câu hỏi của GV

d. **Tổ chức thực hiện:**

- **Giao nhiệm vụ học tập:** Yêu cầu học sinh làm việc nhóm hoàn thành phiếu học tập số 2

- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận nhóm trả lời câu hỏi; giáo viên quan sát, giúp đỡ

- **Báo cáo, thảo luận:**

GV gọi đại diện nhóm báo cáo kết quả, các nhóm khác thảo luận

- **Kết luận, nhận định:**

GV nhận xét, đưa đáp án đúng

1. Đáp án D

2. Muốn máy tính kết nối được Internet, người sử dụng cần đăng kí với một nhà cung cấp dịch vụ Internet để được hỗ trợ cài đặt và cấp quyền truy cập Internet.

HOẠT ĐỘNG 2: VẬN DỤNG (5p)

a. **Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức đã học để lí giải các vấn đề về Internet và ứng dụng của Internet với cuộc sống.

b. **Nội dung:**

1. Em hãy lấy ví dụ cho thấy Internet mang lại lợi ích cho việc học tập và giải trí.

2. Em hãy giải thích tại sao Internet lại được sử dụng rộng rãi và ngày càng phát triển.

c. **Sản phẩm:** học sinh thấy được lợi ích của Internet trong học tập và giải trí

d. **Tổ chức thực hiện**

GV giao nhiệm vụ cho từng nhóm HS (2 bài tập trong phần Vận dụng của SGK), học sinh thực hiện nhiệm vụ ở nhà, sau đó nộp kết quả cho GV. GV căn cứ vào sản phẩm của HS để đánh giá.

HỒ SƠ DẠY HỌC

Phiếu học tập số 1

1. Em thường truy cập Internet vào những việc gì?
2. Internet có những lợi ích gì?

Phiếu học tập số 2

Câu 1: Em hãy chọn phương án đúng

Internet là:

- A. mạng kết nối các máy tính ở quy mô một nước
- B. mạng kết nối hàng triệu máy tính ở quy mô một huyện
- C. mạng kết nối hàng triệu máy tính ở quy mô một tỉnh
- D. mạng kết nối hàng triệu máy tính ở quy mô toàn cầu

Câu 3: Để máy tính kết nối được Internet ta cần làm gì?

Duyệt của TCM

GVBM

Tổ Phó

Bùi Thị Phương Thảo

Nguyễn Thị Phương Diễm